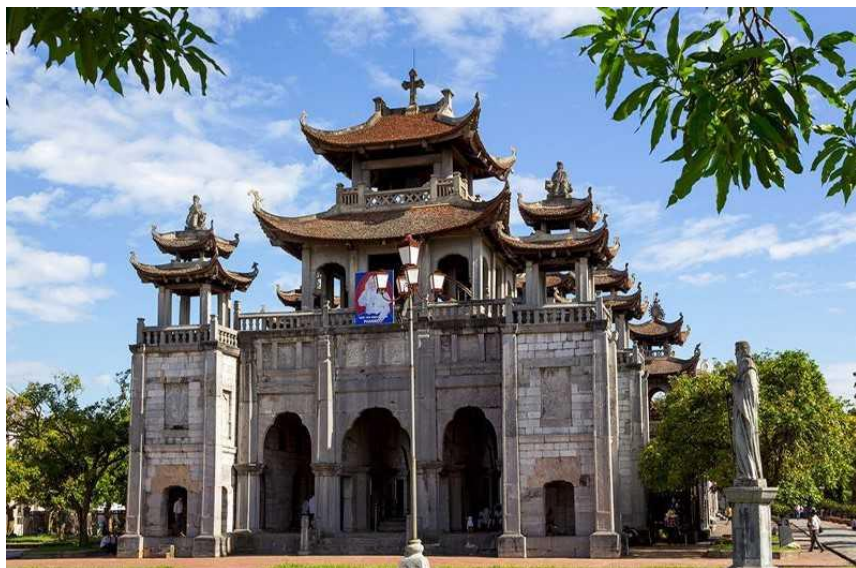


LỊCH SỬ GIÁO PHẬN PHÁT DIỆM 1901-2001



LỜI DẪN NHẬP

Cuốn “*Lịch Sử Giáo Phận Phát Diệm*” chính lễ đã được hân hạnh trình diện với quý độc giả trước tháng Tư năm 2001, nghĩa là trước ngày Giáo phận mừng lễ 100 năm thành lập (1901-2001). Nhưng không may, chúng tôi đã bất thần lâm trọng bệnh và phải nghỉ dưỡng sức từ nhiều tháng nay.

Trong khi thực hiện cuốn sách này, chúng tôi không được trăm phần trăm thỏa mãn vì đã xa quê nhà Phát Diệm quá lâu, từ 1954, lại không được trực tiếp đọc nhiều tài liệu lịch sử tại chỗ, cũng như không được may mắn tham vấn những nhân vật còn sống, nhất là Chương Sáu nói về “*Các Giáo Xứ Giáo Phận Phát Diệm*”. Hy vọng rằng, với thời gian, quý vị độc giả sẽ vui lòng chỉ giáo thêm, để chúng tôi sửa lại cho hoàn hảo.

Ôn lại các giai đoạn lịch sử, nhân dịp Giáo phận cử hành 3 đại lễ: Trăm năm Nhà thờ Chính toà Phát Diệm (1891-1991), trăm năm ngày Cụ Sáu Trần Lục tạ thế (1899-1999) và trăm năm thành lập Giáo phận Phát Diệm (1901-2001), con cái Phát Diệm hết lòng tạ ơn Thiên Chúa toàn năng đã bảo toàn Giáo phận, tạ ơn Đức Mẹ Mân Côi, quan thầy của Nhà thờ Chính toà, tạ ơn Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, nhất là 11 vị Thánh của Giáo phận.

Chúng tôi cũng thành tâm ghi ơn các vị Giám mục đã ra đi:

Đức Giám mục Alexandre Marcou Thành, thừa sai người Pháp, đã lấy khẩu hiệu: “*Soi chiếu cho những ai còn ngồi trong bóng tối tăm*”,

Đức Cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông, Giám mục Việt Nam tiên khởi, đã “*chôn rễ sâu trong lòng giáo đoàn Chúa chọn*”,

Tất cả bảy vị Giám mục Việt Nam kế nhiệm,

qua dòng thời gian, đã thắng vượt mọi khó khăn trong khi lèo lái Giáo phận bằng gương sáng, bằng đời sống thánh thiện, anh dũng, bằng bác ái không giả tạo và bằng sự triệt để vâng phục Toà Thánh.

Roma, ngày 20 tháng 12 năm 2001

Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ

CHƯƠNG NHẤT

NHỮNG BƯỚC ĐƯỜNG THIÊN ĐỊNH

I. THIÊN NHIÊN PHONG PHÚ VÀ NHỮNG NGƯỜI CON ƯU TÚ ĐẤT NINH BÌNH

Theo niềm tin tôn giáo, trong cuộc đời mỗi cá nhân hay lịch sử của một dân tộc, bao giờ cũng có bàn tay Thiên Chúa quan phòng chuẩn bị một cách tự nhiên thông thường hay một cách đặc biệt. Song, về phương diện tâm sinh lý, hiện tại của một người hay một xứ sở, thường chịu ảnh hưởng phong thổ và thừa kế di sản tiền nhân nơi quê hương mình.

Vì thế, để giúp độc giả hiểu biết thêm về Giáo phận Phát Diệm, chúng tôi xin giới thiệu đôi nét về thiên nhiên phong phú và các vị tiền nhân là những danh nhân, anh hùng đất Ninh Bình, bởi vì Giáo phận Phát Diệm nằm gọn trong lãnh thổ tỉnh Ninh Bình và một phần nhỏ của tỉnh Hoà Bình.

1. Thiên nhiên Ninh Bình rất phong phú

Ninh Bình tuy chỉ là một tỉnh nhỏ, nằm ở cực Nam của miền Bắc, cách Hà Nội trên dưới 100 km về phía Nam, nhưng Ninh Bình rất tự hào, vì nơi đây còn đó cố đô Hoa Lư từng gắn liền với sự nghiệp lẫy lừng của 3 triều đại Đinh, Lê, Lý. Ninh Bình cũng rất hãnh diện về địa thế thiên nhiên phong phú và những danh lam thắng cảnh của mình.

Thật vậy, mạn Tây Bắc tỉnh Ninh Bình là núi rừng trùng trùng; đặc biệt là rừng nguyên sinh Cúc Phương (Vườn Quốc gia Cúc Phương). Vùng trung tâm tỉnh Ninh Bình có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng với vẻ đẹp quyến rũ, thu hút du khách trong cũng như ngoài nước, như: di tích lịch sử cố đô Hoa Lư đời Vua Đinh, động Am Tiên (Tuyệt Tình Cốc), chùa Bái Đính, khu danh thắng Tràng An (được UNESCO công nhận là “Di sản Văn hoá và Thiên

nhiên Thế giới”) với Hang Mua, Tam Cốc - Bích Động (được mệnh danh là Vịnh Hạ Long trên cạn), Thung Nắng, vườn chim Thung Nham, v.v....

Còn miền xuôi Ninh Bình là những cánh đồng lúa bát ngát, sông rạch chằng chịt, chuyên chở phù sa đỏ ngầu và màu mỡ. Giữa đồng ruộng bao la, từ rất xa, người ta đã thấy nổi bật lên bóng dáng sừng sững của Phương đình trong quần thể nhà thờ Phát Diệm uy nghi và cổ kính, được xây dựng từ cuối thế kỷ 19, hoàn toàn theo trường phái kiến trúc cổ truyền Việt Nam. Quần thể kiến trúc nhà thờ Phát Diệm đã được Bộ Văn hoá nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam xếp hạng “Di tích Lịch sử - Văn hoá” (Quyết định số 28 VH/QĐ ngày 18-01-1988).

Phần cực Nam tỉnh Ninh Bình là vùng bờ biển huyện Kim Sơn dài 18 km, tiếp giáp với Biển Đông, mỗi năm được lượng phù sa bồi đắp thêm 100m. Vùng bờ biển Kim Sơn là khu dự trữ sinh quyển phong phú đã được UNESCO công nhận.

2. Các anh hùng và danh nhân đất Ninh Bình (chỉ tính tới 1945)

Nước Việt Nam mến yêu của chúng ta giang sơn gấm vóc, rừng vàng biển bạc. Cũng vì thế, hàng ngàn năm nay, nước ta luôn là miếng mồi ngon trước tham vọng bành trướng từ phương Bắc. Nước ta mà còn tồn tại được đến nay là nhờ anh hùng hào kiệt khắp nơi, đời nào cũng có.

Riêng Ninh Bình đã cống hiến cho Tổ quốc những người con ưu tú:

Trước hết là Đinh Tiên Hoàng (924 – 979) với sự nghiệp thống nhất đất nước.

Ngược dòng lịch sử, chúng ta lên mãi quá khứ xa xưa đời Đinh Tiên Hoàng, tên thật là Đinh Bộ Lĩnh. Ông sinh năm 924 tại thôn Kim Lư, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng, nay là thôn Vân Bồng, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Đinh Bộ Lĩnh là con của quan Thứ sử Hoan Châu đời Tiền Ngô, tên là Đinh Công

Trứ. Thuở thiếu thời, Đinh Bộ Lĩnh thường thi đua với bọn chăn trâu, bắt chúng làm kiểu công kênh và lấy bông lau làm cờ quạt, bày ra thế trận giả đánh nhau suốt ngày. Vì ông có sức mạnh phi thường, cho nên bọn trẻ rất nể phục ông. Lớn lên, nhờ tài trí thông minh, ông được Sứ quân Minh công Trần Lâm tin dùng, giao cho quyền điều khiển tướng sĩ. Đến khi Minh công Trần Lâm mất đi, ông đem quân về động Hoa Lư, chiêu mộ thêm tráng sĩ hào kiệt. Sau khi đánh tan ba Sứ quân Phạm Bạch Hổ, Sứ quân Đỗ Cảnh Thạc tại Đỗ Động Giang, và Sứ quân Nguyễn Thủ Tiệp ở Tiên Du, thì thế lực của Đinh Bộ Lĩnh hùng mạnh như vũ bão; do đó, mọi người tôn ông là Vạn Thắng Vương. Năm Mậu Thìn (968), khi đã dẹp yên Loạn 12 Sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, xưng hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Đinh Tiên Hoàng trị vì được 12 năm, tới năm 979, nhà vua và người con trưởng là Đinh Liễn bị Đỗ Thích ám hại (1).

Đinh Tiên Hoàng có công thống nhất đất nước, thiết lập một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền đầu tiên, xây dựng và bảo vệ nền độc lập tự chủ mới giành được khỏi ách đô hộ phương Bắc.

Kế đến là Lê Hoàn (941 – 1005), vị anh hùng dân tộc, khai sáng nhà Tiền Lê.

Lê Hoàn, còn gọi là Lê Đại Hành. Cho tới nay, vẫn còn có những ý kiến khác nhau về sinh quán của Lê Hoàn (Hà Nam, Ninh Bình hay Thanh Hoá?). Ở đây, chúng tôi nghiêng về chứng cứ cụ thể là “Thần tích Lê Hoàn” ghi tại làng Vua Lê, làng Ứng Liêm (Hà Nam). Thần tích này cho biết Lê Hoàn sinh ra ở xã Trường Yên, Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Vì nhà nghèo nên gia đình ông phải về xã Ninh Thái, Thanh Liêm, Hà Nam, làm nghề đánh cá. Năm lên 7 tuổi, ông mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải làm con nuôi quan án Châu Ái (Thanh Hoá). Lớn lên, nhờ có tài trí hơn người nên ông được vua Đinh Tiên Hoàng cử làm Thập đạo Tướng quân. Do nhà Đinh không được lâu bền đã tạo cơ hội để Lê Hoàn lên ngôi vua năm 979, sáng lập nhà Tiền Lê.

Lê Đại Hành có công đánh Tống bình Chiêm. Lịch sử nước nhà vinh danh Ngài ngang hàng với các vị anh hùng dân tộc khác, như

Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Quang Trung Nguyễn Huệ.

Ngoài Đinh Tiên Hoàng và đại anh hùng dân tộc Lê Đại Hành, Ninh Bình còn có những người con là các danh nhân ưu tú từng làm nên sự nghiệp to lớn, như: Đinh Quốc công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp Đinh Điền, Thượng thư Trịnh Tú, Thiền sư Đỗ Pháp Thuận, Lý Quốc sư Nguyễn Minh Không, nhà văn hoá Trương Hán Siêu, danh tướng Trịnh Lỗi, Hàn lâm Học sĩ và Binh bộ Thượng thư Ninh Tôn, Trạng Bồng Vũ Duy Thanh, nhà văn hoá Nguyễn Tử Mẫn, đại thần và sử gia Phạm Thận Duật, giáo dân chủ trương tân học Đinh Văn Điền, Giám mục Phan Đình Phùng (Giám mục Công giáo đầu tiên người Ninh Bình)....

Ninh Bình cũng vinh dự là miền “đất lành chim đậu” vì đã từng có nhiều danh nhân từ nơi khác đến đây để hành hiệp và thi thố công trạng. Đó là Lý Công Uẩn (từ Bắc Ninh), tức Vua Lý Thái Tổ sáng lập nhà Lý, Thiền sư và chính khách Vạn Hạnh (từ Bắc Ninh), Nghĩa Tín hầu Đào Cam Mộc (từ Ái Châu), Tướng quân Phạm Bạch Hồ (người Nam Sách, Hải Dương), Tướng quân Phạm Cự Lượng (từ đất Chí Linh), nhà sư, nhà văn hoá và chính khách Ngô Chân Lưu (từ Thanh Hoá), thần đồng Ninh Địch (từ Nam Định), tướng công, nhà thơ và Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ (người Hà Tĩnh), Giám mục Việt Nam tiên khởi Nguyễn Bá Tòng (từ Sài Gòn), Giám mục và nhà ái quốc Lê Hữu Từ (người Quảng Trị)....

Riêng Cụ Sáu Trần Lục sinh năm 1825 tại huyện Nga Sơn, Thanh Hoá ngày nay, nhưng từ khi Cụ được bổ nhiệm về Phát Diệm vào năm 1865, Cụ đã biến đổi Phát Diệm mau chóng trở thành trung tâm tôn giáo và văn hoá. Đối với Phát Diệm, Cụ Sáu Trần Lục có công khai sáng. Vì thế, chúng tôi sẽ đặc biệt giới thiệu thêm về Cụ Sáu Trần Lục ở đầu Chương Ba.

II. CÔNG CUỘC KHAI NGUYÊN MIỀN ĐẤT PHÁT DIỆM.

Cách đây gần 200 năm, Phát Diệm chỉ là một cánh đồng bát ngát mênh mông, mới có bùn lầy và cỏ sậy chìm ngập dưới những làn

sóng lênh láng. Con đê Hồng Đức, con đường Quan Lộ chạy suốt từ Quảng Phúc qua xã Phúc Nhạc rồi đổ ra bể... hiện còn đứng vững để minh chứng đường ranh giới phân chia đất và nước của thời xưa. Và rồi Tào Hoá đã làm việc rất nhiều. Người ta tính các chi nhánh sông Nhị Hà (Hồng Hà) bồi thêm cho miền duyên hải, trung bình mỗi năm được một trăm thước trên một diện tích dài 25 cây số chạy ra bể. Như thế cứ sau 10 năm, bờ bể Bắc Việt Nam lợi thêm 1 cây số: cùng chung một đà tiến đó, sau 100 năm Phát Diệm đã chiếm thêm 10 cây số chạy ra bể.

Giải đất này thẳng cánh cò bay, dưới đời Minh Mạng (1820-1841) đã được cụ Nguyễn Công Trứ (2) đem hết công lao khai thác và tổ chức. Năm 1826, sau khi chung sức với quan Tham hiệp Nghệ An là Nguyễn Đức Nhuận và quan Hiệp trấn Bắc Thành là Nguyễn Hữu Thuận đem quân đánh tan cuộc nổi dậy ở miền Bắc do Võ Đức Cát và Phan Bá Vành cầm đầu. Dư đảng bị dồn về Trà Lũ, Phan Bá Vành bị bắt sống với hơn 700 đồng đảng. Năm 1828, với tư cách Doanh điền sứ, cụ Nguyễn Công Trứ dâng sớ, xin triều đình cho lập huyện Tiền Hải (Thái Bình) gồm 7 tổng: Tân Cơ, Tân An, Tân Định, Tân Thành, Tân Hưng, Tân Phong và Tân Bồi. Năm 1829, cụ lại dâng sớ xin nhà vua cho phép khai khẩn doanh điền tỉnh Ninh Bình, tức thành lập huyện Kim Sơn, cũng chia làm 7 tổng: Chất Thành, Hồi Thuận, Quy Hậu, Hương Đạo, Tự Tân, Tuy Lộc và Lai Thành (3). Là nhà Nho uyên bác, cụ Nguyễn Công Trứ đã đặt cho hai huyện Tiền Hải (bể tiền) và Kim Sơn (núi vàng) những danh xưng tuyệt đẹp, nhiều ý nghĩa và muôn đời còn ghi nhớ tính cách thanh bình, hiền hòa của hai cuộc kinh doanh xã hội kỳ diệu trong lịch sử miền duyên hải Bắc Việt. Riêng trong huyện Kim Sơn, chính cụ là người đã có cao kiến phân chia lãnh thổ, điền địa, đặt tên cho các thôn xã; đã cho đào những con sông ngang dọc làm máng chuyên chở tiện lợi và mang lại phì nhiêu cho 14.600 mẫu đất của cả một miền tân lập.

Cuộc đời cụ Nguyễn Công Trứ hết sức phong phú, văn võ song toàn.

Về võ, Uy viễn Tướng công Nguyễn Công Trứ từng cầm quân đi dẹp loạn Võ Đức Cát, Phan Bá Vành (1826), đánh giặc Nông Văn Vân (1833), dẹp giặc bể Quảng Yên (1838) ...

Về văn, Nguyễn Công Trứ tham gia hơi trẻ, mãi tới năm 1813, cụ mới dự khoa thi của Triều đình. Năm 1819, cụ đỗ Giải nguyên lúc đã 41 tuổi.

Trả xong nợ đèn sách, cụ Nguyễn Công Trứ lần lượt giữ nhiều chức quan: quan nhỏ như Hành tẩu Sử quán (1820), quan lớn như Binh bộ Tham tri (1827), Tổng đốc Hải An, Binh bộ Thượng thư (1836). Sau một thời lận đận, tới năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), cụ được giao chức Thừa Thiên Phủ doãn, trước khi nghỉ hưu vào năm 1848.

Đường công danh của cụ Nguyễn Công Trứ không phải là luôn luôn công thành danh toại. Cụ từng bị vu cáo và mấy lần phạm sai lầm, cho nên cụ bị Triều đình khiển trách nặng nề, hai lần bị giáng một hơi 4 cấp, nhưng với ý chí sắt đá, mỗi lần như vậy, cụ lại đứng lên và tiếp tục được trọng dụng.

Cuộc đời cụ Nguyễn Công Trứ phong phú như thế là bởi nhân sinh quan của cụ hết sức tích cực:

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc

Nợ tang bông vay trả, trả vay

Chí làm trai Nam, Bắc, Đông, Tây

Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể! (4)

Sự nghiệp khai khẩn vùng đất mới Kim Sơn của cụ Nguyễn Công Trứ về sau này được Linh mục Trần Lục tiếp tục và hoàn bị. Hai vĩ nhân này chào đời không xa nhau bao nhiêu. Cha Lớn Khâm (1825-1899) đến sau cụ Đình điền sứ (1778-1858) 47 năm. Năm 1829, cụ Nguyễn Công Trứ khởi công lập huyện Kim Sơn, thì Cha Trần Lục được 4 tuổi. Tuy nhiên Cha sống mãi tới 1899 và từ 1873, cha đã ra tay chuẩn bị vật liệu để xây cất quần thể Thánh đường Phát Diệm. Cha Lớn Khâm đã đứng lên chiêu mộ thêm dân cư về

ở; đã vận động lấy lại các khoản công điền thổ cho dân chúng; đã nói rộng và hoàn chỉnh con sông đào Ân Giang chạy ngang địa hạt Kim Sơn, suốt từ Điền Hộ cho tới Như Sơn, lấy đất lập thành con Đường Số 10 ngày nay. Lập trường và chính sách của Cha rất thực tế: có thực mới vực được đạo! Làm sao cho công cuộc tông đồ đi đôi với những khả năng kinh tế, xã hội của người dân, bất cứ lương hay giáo.

III. NGÔI NHÀ THỜ THỨ NHẤT Ở ĐÀNG NGOÀI

Không nguyên trên bình diện xã hội mà cả trên phương diện tôn giáo, Phát Diệm còn in sâu dấu vết của tay Chúa Quan Phòng. Mảnh đất về sau sẽ thành cơ đồ xán lạn của vị Khâm sai Tuyên phủ sứ, tức Cha Trần Lục (5), thành giáo phận đầu tiên được Toà Thánh La Mã uỷ thác cho hàng giáo phẩm bản quốc, cho Linh mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông, Giám mục tiên khởi Việt Nam. Cũng chính là nơi mà đầu thế kỷ XVII đã được hân hạnh tiếp đón Cha Alexandre de Rhodes (Cha Đắc Lộ), một trong số các vị truyền giáo ngoại quốc thuộc hàng tiên phong đã đặt chân lên đất Đàng Ngoài, và do đó, một họ đạo đầu tiên đã được thiết lập tại miền Bắc Việt Nam.

Trong tập nhật ký năm 1904, Đức Cha Alexandre Marcou Thành ghi chép: *“Hảo Nho là một xứ đạo đầu tiên của Đàng Ngoài (Bắc Việt), được cha Đắc Lộ, Dòng Tên, vị tông đồ thứ nhất tại xứ này thành lập, vì ngài đã tới đây, ở lại nhiều tháng, năm 1627”* (Tonkin Maritime, 1901-1920, Souvenirs d’année en année, Thư viện MEP, tr.18).

Đức Cha Alexandre Marcou Thành viết như thế là vì ngài căn cứ vào số lượng thời gian lưu lại và thành quả truyền giáo cụ thể mà Cha Đắc Lộ đã đạt được trên đất Đàng Ngoài (Bắc Việt); thực ra, Cha Đắc Lộ không phải là vị tông đồ thứ nhất đã tới Đàng Ngoài (Bắc Việt).

Thật vậy, theo cuốn *Khâm Định Việt Sử*, ngay từ năm Nguyên Hoà nguyên niên, tức là đời Vua Lê Trang Tông (1533-1548) đã có

người Tây phương tên là Inekhu đi đường bẻ vào giảng đạo Thiên Chúa ở làng Ninh Cường, làng Quần Anh, thuộc huyện Nam Chân (tức Nam Trực) và ở làng Trà Lũ thuộc huyện Giao Thủy (6).

Sở dĩ có sự kiện như thế là vì thời đó (từ thế kỷ XVI) đang là một thế kỷ phát minh. Sau cuộc khám phá tân thế giới của Christophe Colomb (1451-1506), các cường quốc Tây phương thi đua đi tìm các thị trường buôn bán tại Âu châu cũng như tại Á châu. Với Đại Việt (Việt Nam) cũng bắt đầu có những cuộc đàm phán thương giao. Và có thể cùng với những nhóm tàu thuyền buôn bán Tây phương ấy, các vị truyền giáo ngoại quốc lợi dụng cơ hội để đi giảng đạo bên Đông phương. Tiếc rằng, công cuộc truyền giáo của Inekhu, hiện nay, không còn đâu ghi chép với những chi tiết phù hợp chính xác. Vì thế, hậu sinh không biết nhà truyền giáo Inekhu nói trên đây là ai? Công việc của ngài diễn tiến ra sao, thành công hay thất bại?

Từ sau khi nhà truyền giáo Inekhu đến miền Bắc nước ta (năm 1533) cho tới khi Linh mục Alexandre de Rhodes đến nước ta lần đầu tiên vào năm 1624, đã ghi nhận có khoảng 14 linh mục Tây phương và 8 thầy trợ sĩ vào truyền giáo tại các nơi khác nhau thuộc lãnh thổ nước ta ngày nay. Nghĩa là các vị đó tới trước Cha Đắc Lộ. Đáng chú ý hơn cả là vào năm 1590, do bị bão, Linh mục Pedro Ordonez de Cevallos đã tới kinh đô nhà Lê. Lúc đó, Vua Lê đóng đô ở Thanh Hoá, vì Kinh đô Đông Kinh (Hà Nội ngày nay) tạm thời nằm trong tay nhà Mạc. Năm sau, 1591, Linh mục Pedro Ordonez de Cevallos rửa tội cho công chúa Mai Hoa (Maria Flora) cùng với khoảng 100 người khác nữa.

Riêng tại Đàng Ngoài (Bắc Việt), sau nhà truyền giáo Inekhu còn có ít là 2 lần các nhà truyền giáo đã tới đây trước Linh mục Đắc Lộ. Đó là các Linh mục Bartolomeo Ruiz, Pedro Ortiz, Francisco de Montilla và 4 thầy trợ sĩ đến truyền giáo tại Bắc Việt năm 1583. Rồi năm 1626, lại có Linh mục Giuliano Baldinoti, Dòng Tên, tới thăm dò truyền giáo ở Đàng Ngoài và được Chúa Trịnh Tráng tiếp kiến, rồi ngài lại trở về Macao. Năm sau, vào ngày lễ Thánh Giuse

19-3-1627, Linh mục Đắc Lộ trở lại nước ta lần thứ hai tại Cửa Bạng; rồi từ đó, ngài tiến ra phía Bắc.

Về biển cỏ này, hiện chúng tôi hiện có trong tay một tài liệu vô cùng quý giá đã được công bố bởi chính tay Linh mục Alexandre de Rhodes (Cha Đắc Lộ), người mà xưa nay nhiều người công nhận là vị truyền giáo tiên phong đã đặt chân lên miền Bắc Việt Nam. Trong cuốn: “*Lịch Sử Đàng Ngoài*” (7), Cha Đắc Lộ đã chép lại tỉ mỉ cuộc hành trình của ngài khi tới Cửa Bạng (Thanh Hoá) ngày 19-03-1627, cũng là năm Đinh Mão đời Vua Lê Thần Tông (1619-1643), và đời Chúa Trịnh Tráng (1623-1657) ở Đàng Ngoài. Cha Đắc Lộ đặt tên cho Cửa Bạng là Cửa Thánh Giuse, vì hôm ấy trùng ngày lễ kính Thánh nhân (8). Và đây cũng là lý do về sau Giáo hội Việt Nam được đặt dưới sự bảo trợ của Thánh Giuse và nhận ngài là quan thầy toàn thể Giáo hội nước Việt.

Cha Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) ở lại Cửa Bạng bốn tháng trời, rồi lên đường trực chỉ ra Bắc, vẫn theo bờ bể, qua các ngách sông, chứ không dám mạo hiểm ra khơi. Lý do là vì cuộc hành trình ngoài khơi thời đó rất gian nan nguy hiểm, nhất là quãng đường qua cửa Thần Phù, gần mỏm núi Yên Duyệt, giáp giới hai miền Bắc và Trung Việt ngày nay. Ngay từ hồi đó, cửa Thần Phù đã được biết tới là nơi thường xảy ra những tai nạn sóng gió (9). Vì vậy mà có lời ngạn ngữ của dân chúng truyền tụng cho nhau:

Lênh đênh qua cửa Thần Phù

Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

Ngày 2-7-1628, Cha Alexandre de Rhodes đã tới kinh đô Kẻ Chợ (tức Đông Kinh, tức Hà Nội ngày nay) và xin vào triều yết Chúa Trịnh Tráng hồi ấy xưng hiệu là Thanh Đô Vương. Sự nghiệp của Cha thành công mỹ mãn, em gái Chúa Trịnh Tráng theo đạo Công giáo, lấy tên là Catarina. Cả vị sư chùa làng Vũ Xá cũng tông giáo, còn chính Chúa Trịnh Tráng cho lập nhà thờ bên cạnh đền vua (10). Không may, 2 năm sau, Chúa Trịnh Tráng quá tin một nhóm nịnh thần vu oan cho Cha Đắc Lộ, nên ra chỉ dụ buộc ngài ra đi. Năm 1629, vị truyền giáo lại xuống thuyền đi con đường cũ xuôi

về mạn Nam (11). Lúc qua Chợ Bò, ngài được viên xã trưởng, trước đã nhờ ngài để tòng giáo, đem cả một đội tuần canh ra đón tiếp long trọng (12). Rồi từ đó, Cha Đắc Lộ lại xuôi buồm chạy một ngày đường tới làng Chợ No, chỗ mà hai năm về trước (1627) “*chúng tôi đã xây cất đền thờ thứ nhất ở Bắc Việt*” (13).

Tài liệu lịch sử trên đây hết sức quan trọng, nhưng cần tìm hiểu về một vài địa danh, và minh chứng các địa danh trong tài liệu này tương đương với các địa điểm hiện nay trong lãnh thổ Giáo phận Phát Diệm.

1. Một vài địa danh

a) Chợ Bò: trong địa đồ tỉnh Ninh Bình, Chợ Bò hồi xưa là một làng ở phía Bắc xã Như Sơn, một bên là Nam Biên, một bên là chi nhánh sông Đáy, tương đương với Hiếu Thuận ngày nay. Gọi là Chợ Bò là vì nơi đây tập trung các lái buôn bò từ Ninh Bình đổ xuống và từ Nam Định (Sơn Nam) đổ sang. Đồng ruộng tại vùng này phì nhiêu, nhưng là đất cát, khô ráo... cần phải có bò mới tiện làm ăn.

b) Chợ No hay Văn No: Cha Đắc Lộ dùng hai địa danh này để chỉ một địa điểm (14). Chính lẽ ra phải viết là Chợ Nho, hay Văn Nho, nhưng người ngoại quốc không đọc nổi chữ NH Việt ngữ. Chợ Nho hay là Văn Nho, vì là địa điểm gặp gỡ của các Nho gia sùng mộ chữ Nho. Họ tập hợp với nhau, nhất là khi nhàn rỗi chờ đò qua sông Ninh Bình - Thanh Hoá sát cạnh rặng núi Yên Duyên và cửa Thần Phù. Về sau đổi là Hiếu Nho, ngày nay là Hảo Nho.

Sở dĩ quyết định như vậy là vì căn cứ vào 2 đoạn cùng đề cập trong cuốn “*Lịch Sử Đàng Ngoài*”. Cha Đắc Lộ khi tường thuật những lần di chuyển đầu tiên để truyền giáo đã nói rõ hai chi tiết:

Chợ Bò, nơi ngài được viên xã trưởng đã tòng giáo đón tiếp niềm nở, cách xa Kinh đô (Đông Kinh, Hà Nội ngày nay) chừng 100 cây số: *centum fere ab urbe regis milliaribus* (15).

Và từ Chợ Bò tới Chợ No (tức từ Hiếu Thuận tới Hảo Nho ngày nay) xa nhau bằng một ngày đi thuyền: *continua unius diei navigatione* (16).

Cả hai chi tiết nói trên, thực ra chính xác và hợp với vị trí địa dư, nghĩa là quyết đáp Chợ Bò (Hiếu Thuận) và Chợ No (hay Văn No), tức Hảo Nho phải ở trong địa hạt Phát Diệm, chứ không ở một nơi nào khác, bởi vì không đâu có những địa điểm mang tên như thế. Và rồi cũng ở đây Chợ Bò cách xa Đông Kinh (Hà Nội ngày nay) gần 100 cây số. Theo đường xe lửa, Hà Nội cách tỉnh Ninh Bình 97 cây số; giữa Chợ Bò và Chợ No, nếu đi thuyền, cũng phải mất một ngày chèo.

2. **Mấy câu truyện đáng chú ý**

Trong cuốn “*Lịch Sử Đàng Ngoài*”, trong đoạn đề cập đến việc truyền bá đức tin trong các dân làng đầu tiên tại lãnh thổ Phát Diệm, Cha Đắc Lộ có kể mấy câu truyện đáng chú ý như sau:

a) Truyện một vị sư theo đạo Chúa: Vị sư này hồi ấy trụ trì một ngôi chùa hình kim tự tháp chót vót trên đỉnh một ngọn núi (17).

b) Trong cuộc hành trình từ Cửa Bạng ra Bắc năm 1627, Cha Đắc Lộ đã đón gặp Chúa Trịnh Tráng dịp ấy đang tập hợp quân binh trên một quảng trường mênh mông... gần làng An Vực, còn chính Trịnh Tráng lên núi cao, chỗ có ngôi chùa, để đích thân hành lễ tế thần (18), trước khi lên đường đem toàn lực vào Quảng Bình đánh Chúa Nguyễn Phúc Nguyên, tức Thủy Quân công (1613-1635) (19).

c) Truyện một bà lão rất sùng Phật, nhưng ơn Thiên Chúa thúc đẩy bà đã theo đạo Công giáo, quê bà ở một làng bên kia sông, gọi là Văn No (20).

Sách vở để lại có bấy nhiêu, nghĩa là dùng một lối văn diễn tả đơn giản, cho nên ngày nay chúng ta cần phải tìm lại địa thế của những nơi vừa được kể trên. Năm 1934 trước đây Cha Schlotterbek (Cố Tuấn), thuộc Hội Truyền Giáo Balê, hồi đó làm Giám đốc Đại Chung viện Phát Diệm, và năm 1951 chính chúng tôi cùng với một

số giáo dân kỳ lão người Hảo Nho đã trở lại những nơi đó, với mục đích tìm hiểu giai đoạn lịch sử này. Kết quả là những địa điểm do Cha Đắc Lộ đã nhắc tới trong cuốn *Lịch Sử Đàng Ngoài* trên đây, thì ngày nay chúng ta có đủ bằng chứng xác định rằng những địa điểm ấy tập trung trên một vùng đất ở về cuối rặng núi Bằng, gần làng Phương Trì, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, nghĩa là hơi xéo về phía Đông Bắc Thần Phù, Hảo Nho. (21)

Tóm lại, trên đỉnh một ngọn núi, cuối rặng núi Bằng, cho dù ngôi chùa hình kim tự tháp không còn nữa vì đã trải qua hơn ba thế kỷ, hiện vẫn còn một cái miếu xây trên núi đó. Có phải chính ở nơi đây là chỗ xưa kia Chúa Trịnh Tráng đã lên tế thần?

Từ chân núi đó xuôi xuống là một bãi cát thênh thang, ngày nay là một cánh đồng rộng lớn, nhưng xưa kia là ven bờ bể, gần cửa Thần Phù. Chính ở nơi đây, một quảng trường mênh mông: *in amplissimo campo* dư chỗ cho đại đoàn quân binh xếp hàng, quay về phía ngôi chùa trên núi, đang khi Chúa Trịnh Tráng hành lễ long trọng. Còn làng An Vực, nhắc trong đoạn sách, cũng không xa rặng núi Bằng. Hiện nay, trong miền đó, còn một cái đầm gọi là An Vực; chỉ khác một điều là, với thời gian, đầm này đã được bồi lấp, không còn rộng lớn như xưa.

Con sông làm chỗ phân ranh giới cho bản quán bà lão sùng Phật kia, chính là ngọn kênh đào ngày nay chạy từ Hảo Nho lên qua Chợ Trâm, Từ Đường, Chợ Kênh... Như thế nói: một làng bên kia sông gọi là Văn No (Hảo Nho), theo địa thế, rất chính xác với thực tế.

3. Đúc kết

Căn cứ vào đoạn lịch sử trên đây, chúng tôi xin trở lại lời quyết đáp của Cha Đắc Lộ: chính ở Hảo Nho (Chợ No, Văn No) là nơi hai năm về trước (1627) *chúng tôi đã xây dựng đền thờ thứ nhất tại Đàng Ngoài (Bắc Việt): primum Tunquini templum erexeramus...* để xác tín rằng lịch sử đã chứng minh: mảnh đất Hảo Nho hồi xưa là chỗ dùng chân giữa đường ranh giới hai miền Bắc – Trung cho khách thập phương qua lại buôn bán và là những

khách Hiếu Nho (Hảo Nho: hâm mộ chữ Nho) cũng là một đầu cầu Thiên định, vì ở đây Cha Đắc Lộ đã dùng chân giảng đạo và *xây cất ngôi nhà thờ thứ nhất tại Đàng Ngoài (Bắc Việt)*.

Đầu cầu Thiên định là vì vàng ánh sáng đức tin, hồi xưa đã soi chiếu cho nhà sư đạo đức, cho bà lão sùng Phật cũng chính là vàng ánh sáng đức tin đã toả chiếu cho đất Bắc, gieo xuống ở đó hạt giống Phúc Âm, thiết lập ở đó đền thờ đầu tiên: *primum Tunquini templum* năm 1627 tại Đàng Ngoài (Bắc Việt), dọn đường và tiên báo, hơn ba thế kỷ trước, giai đoạn lịch sử huy hoàng sẽ thành lập giáo phận Việt Nam đầu tiên, chuyển giao cho hàng giám mục bản quốc năm 1933.

Lời ngạn ngữ của giáo dân Hảo Nho xưa nay truyền tụng cho con cháu:

Thứ nhất Toà Thánh Pha-pha.

Thứ hai Cửa Bạng, thứ ba Thần Phù.

còn là một bằng chứng bình dân, có tính cách thôn xã địa phương, nhưng thật sâu sắc, muôn đời còn ghi nhớ hồng ân Thiên Chúa huyền diệu và cao cả này vậy!

Chú thích:

(1) Trịnh Văn Thanh, Thành ngữ điển tích, Danh nhân từ điển, Gia Định 1966, tr. 249.

(2) Cụ Nguyễn Công Trứ tự Tồn Chất, hiệu Ngô Trai, biệt hiệu Hy Vãn, sinh năm 1778, tại huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình. Cụ sinh tại đây vì thân phụ là cụ Nguyễn Công Tấn từ Hà Tĩnh ra Bắc làm Tri huyện Quỳnh Côi, sau thăng Tri phủ Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Phan, ái nữ của quan Quản nội thị Cảnh Nhạc Bá họ Nguyễn. Cụ Nguyễn Công Trứ mất năm 1858 tại nguyên quán làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh.

(3) Hoàng Xuân Việt, *Thắng cảnh Phát Diệm* (Địa linh nhân kiệt và kỳ quan), do Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh ấn hành ronéo, 1991, tr. 26 và tiếp theo.

(4) Hoàng Xuân Việt, *Thắng cảnh Phát Diệm*, tr. 29-30.

(5) Danh hiệu Vua Đồng Khánh tặng Cha Trần Lục.

(6) Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Sài Gòn 1951, tr.341-342.

(7) Alexandre de Rhodes, *Tunquinensis Historiae, libri duo* (Lịch sử Đàng Ngoài, 2 cuốn), Kê Sở 1906.

(8) *Ibid.*, tr. 107-108.

(9) *Ibid.*, tr. 132, “Per continents fluminum alveos... vela fecimus, semper extra ipsum mare, ad quod ingress nequaquam sumus”.

(10) *Ibid.*, tr. 138-139 và 146.

(11) *Ibid.*, tr. 194.

(12) *Ibid.*, tr. 195.

(13) *Ibid.*, tr. 196: Ex eo portu (Chợ Bò) continua unius diei navigatione.

(14) *Ibid.*, tr. 122 và 196.

(15) *Ibid.*, tr. 195: “Cum igitur intellexit tryremem nostrum ad illius pagi, cujus nomen est Chợ Bò, ora praetervehi, centum fere ab urbe regia milliaribus, prodiit ipse (xã trưởng) obviam nobis cum frequentissima militum cohort...”.

(16) *Ibid.*, tr. 196.

(17) *Ibid.*, tr. 122: “Praeerat ille (ông sư) templo idolorum, quod olim dixi in modum pyramidis eminere conspicuum in supremo montis cujusdam vertice”.

(18) *Ibid.*, tr. 115: “In amplissimo quodam campo, non procul a pago, cui nomen An Vực, rex ascendit ad solemne sacrificium

peragendum, e regione altissimi cujusdam montis, cujus in vertice supremo templum eminent idolis dedicatum”.

(19) Ibid., tr. 113-117. Và Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, tr. 264-265.

(20) Ibid., tr. 122: “In altero quoque pago, qui situs in altera parta fluminis dicitur Van No vetula quaedam erat idolorum superstitionibus mire dedita”.

(21) Ý kiến cho rằng Vanno mà Cha Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) nhắc tới trong cuốn “Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài (Histoire du Royaume de Tunquin)” chính là xứ Hảo Nho thuộc Giáo phận Phát Diệm ngày nay, cũng là ý kiến của Đức Cha Marcou Thành trong nhật ký “Tonkin Maritime, 1901-1920, Souvenirs d’année enannée” (Thư viện MEP, tr. 18) đã đề cập trên đây và của Linh mục C.A. Poncet trong bài khảo cứu công phu “Le Voyage du P. Alexandre de Rhodes de Cua bang à Hanoi en 1627” (BAVH 1942, số 3, tr. 261-284).

Tuy nhiên, các học giả đã và sẽ còn tranh luận về tính xác thực của địa danh Vanno này. Thực vậy, đã có ý kiến cho rằng địa danh Vanno cách xa xứ đạo Hảo Nho khoảng 100 cây sò về phía Nam, có thể là ở ngay chính tỉnh lỵ Thanh Hoá ngày nay, có thể là tại Hàm Rồng, hay là nằm đâu đó không xa Cửa Bạng (Ba Làng, Thanh Hoá) ...

Sở dĩ vị trí Vanno trở thành vấn đề tranh luận hàng trăm năm nay là vì các bản văn tường thuật cuộc di chuyển từ Cửa Bạng lên phía Bắc và các bản đồ của Linh mục Đắc Lộ rất khó xác định. Thời đó chữ Quốc ngữ chưa phát triển, các địa danh viết theo văn tự của người Tây phương (nhất là không có 5 dấu thanh âm) và qua thời gian, hầu hết các địa danh ấy đã đổi tên nhiều lần hoặc biến mất hẳn. Các chuyến đi thuật lại trong văn bản đều dùng thuyền (chèo thuyền, dùng buồm hay dùng sức người để kéo thuyền...?) và chỉ biết đo lường không gian và thời gian bằng cách ước lượng (khoảng 2 ngày, khoảng 8 ngày, khoảng 10 dặm...). Còn về các bản đồ thì kỹ thuật vẽ bản đồ thời đó chưa có các phương tiện chính

xác như bây giờ, tất cả chỉ nhờ vào sự quan sát bằng mắt thường và khả năng ước lượng mà thôi. Với các điều kiện ấy, tính chính xác chỉ ở mức độ tương đối.

Hi vọng, sau này, các nhà nghiên cứu lịch sử Công giáo Việt Nam sẽ tìm hiểu và làm sáng tỏ thêm về những địa danh trên bước đường truyền giáo mà Linh mục Đắc Lộ đã đi qua trên đất nước ta, nhất là địa danh Vanno.

CHƯƠNG HAI

VIỆC THÀNH LẬP GIÁO PHẬN PHÁT DIỆM

I. SƠ LƯỢC GIÁO PHẬN ĐÀNG NGOÀI

Công cuộc truyền giáo tại Đàng Ngoài lúc ban đầu, chúng tôi đã trình bày ở trên, phần lớn là do sự nghiệp của Linh mục Alexandre de Rhodes và các anh em Dòng Tên của ngài từ năm 1627. Nguyên một mình Cha Đắc Lộ, trong nửa đầu thế kỷ 17, đã từ Macao đổ bộ lên đất Việt nhiều lần (12-1624, 19-3-1627, 2-1640, 12-1640, 01-1642, 1-1644), chứng minh rằng ngài đã hết sức tận tụy. Nhưng vì những khó khăn lúc ban đầu, những hiểu lầm, những bách hại, thành ra việc phát huy đạo Công giáo đã bị ngưng trệ rất nhiều. Năm 1649, về tới Kinh thành La Mã, Linh mục Alexandre de Rhodes đã có vận động Đức Giáo hoàng Innocent X (1644-1655) để xin thêm số linh mục truyền giáo, xin cả giám mục nữa. Kết quả là Hội Các Linh Mục Thừa Sai Balê (Missions Etrangères de Paris) ra đời. Năm 1659, Toà Thánh thiết lập hàng giáo phẩm cho Việt Nam. Với tư cách là giám mục thứ nhất của Đàng Trong, Giám mục Lambert de la Motte tới Đàng Ngoài trước ngày 30-08-1669, cùng hai linh mục cộng sự De Bourges và Bouchard. Thế rồi, ngày 14-02-1670, Đức Cha nhóm công đồng thứ nhất ở nước ta tại Phố Hiến (Hưng Yên ngày nay), cùng với ba linh mục Pháp và 9 linh mục Việt Nam ở Đàng Ngoài (1) để xác định quy chế “Nhà Đức Chúa Trời”, nghiên cứu các điều kiện truyền bá Phúc Âm, phân chia Đàng Ngoài ra làm 9 giáo xứ và uỷ thác cho 9 linh mục bản xứ; sau cùng, thành lập Dòng Chị Em Mến Thánh Giá. Tất cả những văn kiện của công đồng này về sau đã được Đức Clêmente X (1670-1676) duyệt y trong Sắc chỉ “Nhiệm Vụ Tông đồ, Apostolatus Officium”, ban hành ngày 23-12-1673.

Cũng trong năm 1670, Giám mục Lambert de la Motte vào thăm giáo tỉnh Đàng Trong (1). Trong thấy số linh mục quá ít ỏi trước những nhu cầu khẩn thiết của giáo dân, năm 1673, Đức Cha uỷ nhiệm một tân linh mục Việt Nam và Linh mục Bouchard sang Manila, Thủ đô Phi Luật Tân (nơi mà, năm 1674, Giám mục François Pallu, trên đường đi Đàng Ngoài, đã bị bão đánh tạt vào đây) để cầu cứu sự tiếp tay của các Dòng Đaminh và Phanxicô. Thế là một số linh mục Dòng Đaminh Tây Ban Nha, ngày 07-7-1676, đặt chân lên thương cảng Phố Hiến (Đàng Ngoài) và ngày 20-02-1677, theo lệnh của Linh mục Tổng quản Deydier, họ định xuống Sơn Nam (Nam Định ngày nay) nhận nhiệm sở mới, nhưng vì cuộc bách hại thứ tám đang diễn tiến gắt gao (2), họ đến ả náu tại cửa biển Trung Linh (Bùi Chu).

Giáo hội Việt Nam hồi đó, cũng như ngày nay, là một cánh đồng phì nhiêu, lúc nào cũng hứa hẹn một màu xanh tươi, lúc nào cũng một cảnh dập dìu theo luồng gió Phúc Âm, cần là cần những thợ gặt mà Chúa Giêsu đã nói trong Tin Mừng, cần là cần những nhà truyền giáo có nhiều tâm huyết, để thu lượm hoa trái về cho Giáo hội. Năm 1647, tức chỉ 20 năm sau ngày khởi sự rao giảng Tin Mừng, Linh mục Alexandre de Rhodes, trong bản phúc trình về Đức Giáo hoàng Innocent X, có kể rằng số giáo dân Đàng Ngoài đã vọt lên quá 200.000 người. (3)

Nhưng một điều mà ai cũng công nhận là hồi đó, tất cả Đàng Ngoài chỉ kết thành một giáo phận duy nhất. Mãi cho tới năm 1679, nghĩa là 3 năm sau khi có các vị truyền giáo từ Phi Luật Tân đến tăng cường. Vì những điều kiện bất thường, vì những khó khăn gặp phải trong những năm bị bách hại và để phân công công tác, Thánh Bộ Phúc Âm Hoá Các Dân Tộc nhận thấy nhu cầu thời đại mới, nên đã duyệt y chương trình phân chia Đàng Ngoài ra làm hai giáo phận, lấy Sông Nhị làm ranh giới: Phía Tây sông là Tây Đàng Ngoài (Tonkin Occidental) được trao cho Hội Thừa Sai Balê và phía Đông sông Nhị là Đông Đàng Ngoài (Tonkin Oriental) được trao cho Dòng Đa Minh Phi Luật Tân. Từ đó, hai giáo phận mẹ đã sinh ra nhiều giáo phận con khác. Theo thứ tự thời gian như sau:

Giáo Phận Đàng Ngoài	
Tây Đàng Ngoài: Tonkin Occidental (1679, nay là Hà Nội)	Đông Đàng Ngoài: Tonkin Oriental (1679, nay là Hải Phòng)
Nam Đàng Ngoài: Tonkin Méridional (1846, nay là Vinh)	Trung Đàng Ngoài: Tonkin Central (1848, gồm Bùi Chu và Thái Bình ngày nay)
Thượng Đàng Ngoài: Haut Tonkin (1895, nay là Hung Hoá)	Bắc Đàng Ngoài: Tokin Septentrional (1883, nay là Bắc Ninh)
Duyên Hải Đàng Ngoài: Tonkin Maritime (1901, gồm Phát Diệm và Thanh Hoá ngày nay)	Phủ Doãn Tông Toà Lạng Sơn (1913)
Thanh Hoá (1932)	Bùi Chu chia hai thành Bùi Chu và Thái Bình (1936)

II. VIỆC THÀNH LẬP GIÁO PHẬN PHÁT DIỆM

Cứ như trên, sánh với Hà Nội, Phát Diệm là giáo phận con thứ ba, nhưng sánh chung với Đàng Ngoài, là giáo phận con thứ năm được phân chia. Mỗi lần phân chia như thế là mỗi bước tiến, mỗi thành công, bởi điều kiện để có thể tồn tại của Giáo hội là phải phát triển, phải lớn lên, phải xây dựng ở khắp hoàn cầu: *“Chúng con hãy đi cùng thế giới rao giảng Tin Mừng cho muôn dân”* (Mc 16,15). Các giám mục truyền giáo hồi xưa mang nặng mỗi ưu tư đó. Trong tập văn thư mật của Giám mục Gendreau Đông, tiên nhiệm Giáo phận Hà Nội, chúng tôi tìm thấy hai bức thư sau đây gửi Giám mục Alexandre Marcou Thành, hồi ấy đang là phó với quyền kế vị (Coadjuteur) Hà Nội.

Bức thứ nhất đề ngày 13-5-1900, từ Ba Lê. Năm ấy, Giám mục Gendreau Đông về La Mã dự lễ Đức Lêô XIII tôn phong Chân phúc cho các Anh hùng Tử đạo Việt Nam. Dưới đây là nội dung:

“Tôi đã bắt đầu nêu lên dự án phân chia địa phận theo ý nghĩa mà tôi đã có lần trình bày với Đức Cha. Xem ra ở đâu cũng hoan nghênh” (4).

Năm sau, về tới Việt Nam, Giám mục Gendreau Đông từ Kê Sô, 05-10-1901, nhắc lại vấn đề một cách khẩn khoản, rõ rệt hơn: *“Hôm 15 tháng 9 dương lịch, tôi đã nhận được thư của Hội Đồng Balê chuyển giao lời phúc đáp của Hồng y Tổng trưởng Thánh Bộ Truyền giáo , cho lệnh phải kết thúc vấn đề phân chia. Balê cũng cho hay là đã viết cho Đức Cha như thế. Ngay hôm sau, tôi cũng viết cho Đức Cha, đại khái nói rằng: phần riêng tôi rất sẵn sàng tuân theo chỉ thị của Thánh Bộ, và tôi xin Đức Cha vui lòng cho tôi biết những điều kiện và nguyện vọng cần thiết để kết thúc vấn đề này. Tôi có thêm rằng: vì Balê và La Mã cho lệnh giải quyết việc này một cách gấp rút nên chúng ta có thể gặp nhau ở Kê Sô, tôi sẽ tới đó ngày 10 tháng 10” (5).*

Sở dĩ bức thư trên đây có vẻ thúc bách là vì tự La Mã, Toà Thánh đã duyệt y bản dự thảo của Giám mục Gendreau Đông và của Hội Thừa Sai Balê về việc phân tách Phát Diệm ra khỏi Giáo phận Hà Nội, và ngày 02-4-1901, Thánh Bộ Truyền giáo , thừa lệnh Đức Lêo XIII, đã phê chuẩn bản dự thảo đó một cách công khai. Dưới đây là nguyên văn Sắc chỉ Toà Thánh (6).

Văn thư Prot. No. 4-3093 (Tập Hồ sơ Thư viện R. 129)

“Giám Mục Phêrô Gendreau, trước sự kiện địa phận Tây Đàng Ngoài mình đang quản nhiệm quá rộng lớn, đã khẩn khoản yêu cầu để chia làm hai giáo phận riêng biệt, và thành lập một giáo phận mới, lấy tên là giáo phận Đàng Ngoài Duyên Hải, sẽ bao gồm hai tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình, cả miền núi Châu Lào, và cả lãnh thổ người Mường tại Lạc Thổ. Do đó, các vị hồng y liên hệ trong trách nhiệm ở Thánh Bộ Truyền giáo , trong buổi công hội ngày 11 tháng 3 vừa qua, đã nghiên cứu toàn thể vấn đề và đã đồng thanh nghị quyết nhu cầu phân chia giáo phận Tây Đàng Ngoài, và thành lập một tân giáo phận lấy tên giáo phận Đàng Ngoài Duyên Hải. Ranh giới giáo phận này như sau: Bắc giáp tỉnh Hà Nam và miền Lạc Thổ, Đông giáp sông Đáy và vịnh Bắc Việt,

Tây giáo giáo phận Lào và Nam giáp tỉnh Nghệ An, tức giáo phận Nam Đàng Ngoài.

Ngoài ra, cũng trong buổi công hội ngày 11 tháng 3, các vị hồng y đã quyết định bổ nhiệm Giám Mục Alexandre Marcou Thành, trong mấy năm gần đây đã là vị giám mục phó đắc lực của Giám Mục Phêrô Gendreau, sẽ về cai quản tân giáo phận. Nghị quyết của các vị hồng y trên đây đã được Đức Aloisiô Veccia, thư ký Thánh Bộ Truyền giáo, đệ trình Đức Thánh Cha Lê XIII, trong buổi triều yết ngày 28 tháng 3 vừa qua. Đức Thánh Cha đã xác nhận và duyệt y tất cả những sự kiện đó và lệnh cho bản quyết nghị này, cũng như bức Tông Thư đây, được gửi đi dưới hình thức một Sắc Chỉ”.

Làm tại La Mã, ngày 2 tháng 4 năm 1901

Ký tên: Hồng y M. Ledochowski, Tổng trưởng Giám mục L. Veccia, Thư ký

Đang khi Toà Thánh xúc tiến và duyệt y chương trình truyền giáo tương lai cho Bắc Việt một cách mau chóng và tốt đẹp như thế, thì lịch sử còn chứng minh rằng, tại Việt Nam, công cuộc chuẩn bị để chấp hành nghiêm chỉnh sắc chỉ của Toà Thánh cũng không kém phần gấp rút.

Trên đây, chúng tôi chỉ trình bày những diễn tiến đặc biệt liên quan đến Giáo phận Phát Diệm. Nhưng thực sự trong đầu óc Giám mục Gendreau thời đó, có hai dự án phân chia thành hai giáo phận mới: Hưng Hoá và Phát Diệm. Bằng chứng là vị giám mục lão thành khôn ngoan đó, từ lâu, đã đề cử và được Toà Thánh chấp thuận danh sách hai vị tân giám mục: Đức Cha Raymond Lộc cho Hưng Hoá và Đức Cha Alexandre Marcou Thành cho Phát Diệm.

Lễ tấn phong giám mục cho hai vị được cử hành long trọng ngày 15 tháng 10 năm 1895, tại Nhà thờ Chính toà Hà Nội. Người ta còn ghi chép một câu chuyện hi hữu liên quan đến cuộc lễ tấn phong này. Sáng hôm đại lễ, các vị giám mục đã an toạ, nhưng vì là một biến cố tôn giáo chưa từng có ở Bắc Việt, nên số người từ thập phương tuôn về hết sức đông đảo và do đó, cũng hết sức huyền ảo

ồn ào. Giám mục Gendreau Đông nhận thấy Cha Trần Lục hiện diện trong buổi lễ, liền cho người đến xin cha tìm phương pháp đối phó kịp thời. Trong giây phút, Cha Trần Lục đã nghĩ ra một cách: cha đứng dậy ra về. Nhưng khi trở lại, Cha Trần Lục oai phong đi giữa hai hàng cận vệ, trên mình đeo nhất hạng Kim khánh và Bắc đầu Bội tinh. (Hồi đó, với tư thế Lễ Bộ Tham tri, sung Khâm sai Tuyên Phủ sứ của Vua Đồng Khánh, Cha Trần Lục được đeo Nhất hạng Kim khánh và Bắc đầu Bội tinh). Một viên đội hầu đi trước báo lệnh, hai bên là bốn lính đội nón dẫu, áo đỏ, nẹp xanh (theo tước hàm các quan đại thần), hai tên cầm nghi trượng, hai tên cầm gương tuốt trần, đằng sau là các Thông, Kinh, Bá, Cửu tùy hầu. Hàng ngàn con mắt đổ dồn về đây. Cha Trần Lục tiến lên toà giảng, quay về phía bàn thờ bái chào các vị giám mục và quay chào cử tọa, rồi đồng dục tuyên bố: *“Yêu cầu đầu đấy trong nhà thờ phải tĩnh lặng để cuộc lễ tấn phong được cử hành”*. Trật tự đã vẫn hồi tức khắc và đại lễ đã khởi sự trang nghiêm (7).

Ngày 22 tháng 10 năm 1895, Giám mục Gendreau Đông, chiếu theo sắc chỉ Toà Thánh, đã trao quyền cai quản Giáo phận Hưng Hoá (bao gồm các tỉnh Lào Kay, Yên Bái, Hưng Hoá, Sơn Tây) cho vị tân Giám mục Raymond Lộc. Còn Đức Cha Alexandre Marcou Thành ở lại làm Giám mục phó Hà Nội; nhưng thực sự từ đầu năm 1896, ngài bắt đầu những tuần kinh lý trong các tỉnh phía Nam, hầu như ngài đã ở trong lãnh thổ tân Giáo phận Phát Diệm. Suốt trong một năm trời, ngài xuôi ngược mãi tận các vùng hẻo lánh: Lạc Thổ, La Hán, Phong Ý, Cửa Hàn, Bái Thượng trong địa hạt Thanh Hoá. Rồi sau cùng, trong thời gian dừng chân tại chính tỉnh lý, nơi đây ngài có ý định xây đắp để biến thành toà giám mục tương lai. Nhưng rồi, vì thấy trong dân số tỉnh lý Thanh Hoá ít người Công giáo, mà lại ở cách xa nhau, ngài đổi chương trình, định tâm rời ra Điền Hộ, cách xa Phát Diệm chừng 7 cây số. Nơi đây, vị tiền nhiệm Giáo phận Hà Nội đã tậu được 400 mẫu ruộng tại Mông Ân, 100 mẫu ở Tam Thành (Tam Tổng), và chỗ khác mấy nông trại như Hữu Lễ, Thiên Tôn (Thanh Hoá), Hoàng Đồng, Tam Châu (Ninh Bình) để làm vốn cho giáo phận tương lai. Nhưng dự án chọn Điền Hộ làm toà giám mục đã không thành tựu.

Cuối năm 1896, Đức Giám mục A. Marcou Thành tới Phát Diệm, thấy phong cảnh thánh đường nguy nga, dân chúng đông đúc và sùng đạo, ngài liền ngỏ ý với Cha Trần Lục về dự án đang đi tìm một cơ sở để làm toà giám mục và làm trung tâm mục vụ tôn giáo sau này. Cha Trần Lục nghe thế thì nhận ra đó là một hồng phúc lớn lao cho tương lai xứ sở, không những đã ưng thuận mà còn hứa tận lực cộng tác. Mặc dầu chỉ còn sống thêm 3 năm nữa (cha tạ thế ngày 6-7-1899) nhưng cha đã cố gắng hoàn tất chương trình xây đắp mọi cơ sở thiết yếu, như chúng ta đã thấy trên đây.

Ngày 2-4-1901, Đức Lêô XIII ra sắc chỉ phân chia Giáo phận Hà Nội một lần nữa để thành lập thêm một giáo phận mới, đặt tên là Giáo phận Đàng Ngoài Duyên Hải (Tonkin Maritime, quen gọi là Địa phận Thanh và năm 1924 đổi là Phát Diệm). Ngày 30-7-1901, Giám mục Gendreau Đông triều tập Hội đồng Giáo phận tại Nhà chung Kẻ Sở, gồm hết mọi thành phần: linh mục thừa sai, Việt Nam, sinh viên Đại Chung viện, các thầy giảng, Tu viện Mến Thánh Giá và giáo dân. Đức Giám mục công bố Sắc chỉ Toà Thánh về việc thiết lập địa phận mới và đặt những điều kiện phân chia nhân sự, tài sản và thành lập “lời giao hảo” trong 10 năm về việc dâng lễ, cầu nguyện giữa hai địa phận, mỗi khi có linh mục hay thành phần Nhà Đức Chúa Trời, Tu viện Mến Thánh Giá qua đời.

Ngày 8-2-1902, ngày lịch sử do hai Địa phận Hà Nội và Phát Diệm thoả thuận để công bố những điều kiện phân chia bắt đầu có hiệu lực. Từ Hà Nội, Giám mục Gendreau Đông, trong bức thư luân lưu đề ngày 08-02-1902, với tư cách giám mục giáo phận “mẹ”, tuyên bố sự kiện phân chia (8). Cùng một ngày, từ Phát Diệm, Giám Mục A. Marcou Thành, trong bức thư luân lưu cũng đề ngày 8-2-1902, với tư cách giám mục giáo phận “con”, tuyên bố lễ nhận giáo phận (9).

Tình hình hai Giáo phận Hà Nội – Phát Diệm lúc đó gồm: 133 linh mục Việt Nam, 214.970 giáo dân rải rác trong 65 xứ đạo (10). Khi phân chia, Phát Diệm được nhận (11): 24 linh mục thừa sai Pháp, 48 linh mục Việt Nam, 18 sinh viên Đại Chung viện, 112 thầy giảng, 145 học sinh Tiểu Chung viện, 3 nhà dòng thuộc Tu viện

Mến Thánh Giá (12) và 27 xứ đạo (13) (15 trong tỉnh Ninh Bình, 7 trong tỉnh Thanh Hoá và 5 thuộc Châu Lào) với số 85.000 giáo dân.

Tại Phát Diệm, nghi lễ nhận giáo phận được tổ chức long trọng ngày 8-2-1902 tại Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc. Tất cả cộng đoàn linh mục Việt-Pháp, chủng sinh, thầy giảng, nữ tu và các thân hào nhân sĩ, chức dịch các xứ đạo thuộc hai tỉnh Ninh Bình, Thanh Hoá đều tề tựu về đây, để làm lễ thành lập tân giáo phận, chào mừng Đức Cha Alexandre Marcou Thành (hiệu toà Lysiadé) là giám mục tiên khởi sáng lập Giáo phận Phát Diệm, nhận nhau là huynh đệ, là thành phần trong địa phận mới và nghe tuyên bố danh sách một số linh mục được bổ nhiệm trong các chức vụ then chốt. Một điều nên chú ý là ngay từ đầu, trong mấy họ đạo lớn nhất của địa phận, Giám mục A. Marcou Thành chủ tâm bổ nhiệm các linh mục Việt Nam: Linh mục Hương, chính xứ Phát Diệm, Linh mục Chấn, chính xứ Phúc Nhạc, Linh mục Luân, chính xứ tỉnh lỵ Ninh Bình. Giữa cộng đoàn linh mục Việt - Pháp với nhau, Giám mục A. Marcou Thành là giám mục đầu tiên quyết tâm cố vũ và bảo toàn tinh thần bình đẳng tối đa. Do đó, người ta mới hiểu những bước tiến mau chóng trong một giáo phận mới thành lập, giữa một lãnh thổ tân bồi còn nghèo túng và còn nhiều khó khăn đủ mọi phương diện. Cũng trong danh sách bổ nhiệm, chúng tôi còn tìm ra tên “Cố Pilon Long”, thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê, được bổ nhiệm làm quản lý địa phận. Chính Cố Long đã đốc công xây cất nhà thờ Ninh Bình, Đại Chủng viện, Bệnh viện Phu Vinh và Toà giám mục Phát Diệm.

Chúng tôi vừa nói đến những bước tiến mau chóng là vì Phát Diệm được thành lập năm 1901, nhưng 16 năm sau, tức tháng 8 năm 1917, Toà Thánh đã thấy nhu cầu cần phải bổ nhiệm thêm Cha Louis de Cooman (Đức Cha Hành) làm giám mục phó, trợ giúp Giám mục Alexandre Marcou Thành trong việc khuyến khích trương địa phận. Và 31 năm sau, tức năm 1932, đến lượt Giáo phận Phát Diệm chia đôi để thành lập Giáo phận Thanh Hoá (14). Sau đó, năm 1933, Phát Diệm được vinh dự là giáo phận đầu tiên được trao lại quyền quản nhiệm cho Đức Cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá

Tông, vị giám mục Việt Nam tiên khởi. Ngày 7-12-1939, Giám mục A. Marcou Thành tạ thế, nhưng ngài đã trông thấy những thành quả tốt đẹp, thấy những mồ hôi, nước mắt của ngài, khác nào dòng nước trong sáng mát mẻ, đã thấm nhuần xuống sâu trong lòng đất Phát Diệm, để từ đó mọc lên cả một sự nghiệp xán lạn ngày nay. Cũng do đó, người ta mới hiểu là tuy Giám mục A. Marcou Thành mệnh một tại Thanh Hoá, nhưng khi nghe tin ngài khuất đi, toàn thể Giáo phận Phát Diệm, linh mục cũng như giáo dân, đã ngậm ngùi thương khóc và đã xin được di hài của vị cố giám mục kính mến, đem về an táng trong chính giữa ngôi thánh đường Đức Mẹ Mân Côi, tức là giữa Nhà thờ Chính toà của họ.

III. PHÁT DIỆM LÚC BAN ĐẦU

Thư viện Hội Truyền giáo Ba lê, năm 1931, còn giữ một bản báo cáo của Đức Cha A. Marcou Thành gửi về Bộ Truyền Giáo hỏi đó liên hệ đến một vài vấn đề Phát Diệm mới thành lập:

1. Thành lập

Ban đầu, Giáo phận Phát Diệm có tên là Đàng Ngoài Duyên Hải (Tonkin Maritime) đã được tách rời ra khỏi Giáo phận Hà Nội (Tây Đàng Ngoài: Tonkin Occidental) do Sắc chỉ của Toà Thánh kí ngày 02-4-1901. Sắc chỉ này đã được thi hành chính thức kể từ ngày 08-02-1902.

2. Diện tích

Theo hai bản tường trình của Toà giám mục Phát Diệm năm 1925 và 1930, diện tích của Phát Diệm được ước đoán là 30.000 cây số vuông. Về sau theo tài liệu chính thức Sở Địa dư Bắc Việt, diện tích giáo phận đã rút xuống còn 22.000 cây số vuông, gồm 3 miền riêng biệt:

Toàn tỉnh Ninh Bình tức 1.616 cây số vuông và một phần nhỏ thuộc tỉnh Hoà Bình (tức 7 xã): tất cả là 1.700 cây số vuông.

Toàn tỉnh Thanh Hoá, thuộc Trung phần, là một tỉnh lớn, ước lượng 10.000 cây số vuông

Một phần của miền Bắc Ai Lao (tỉnh Hua Phan) mà tỉnh lỵ là Sâm Nứa, cũng chừng 10.000 cây số vuông.

3. Tiến triển

Cũng trong bản tường trình, Đức Cha A. Marcou Thành còn làm một bản thống kê về những tiến triển của Phát Diệm, trong thời gian 30 năm từ khi thành lập giáo phận năm 1902 tới 1931 như sau:

Giáo phận Phát Diệm	1902	1931
Số giáo dân	80.000	140.000
Giám mục	1	2
Linh mục Thừa Sai	7	35
Linh mục Việt Nam	53	137
Các thầy giảng	138	227
Nữ tu ngoại quốc	8	23
Nữ tu Việt Nam	78	184
Chủng viện	1	3
Học sinh chủng viện	211	343
Trường thầy giảng	0	2
Học sinh thầy giảng	0	84
Nhà thờ và họ đạo	325	420
Quản giáo (giáo lý viên)	339	756
Số dân được dạy giáo lý	6.626	24.670
Trường sơ đẳng	0	80
Số học sinh	0	4.993
Xung tội	137.000	548.086
Chịu lễ	221.000	2.321.455
Rửa tội trẻ em bên lương		253.315
Số người lớn theo đạo		22.555

4. Nhận xét

Bản tường trình trên đây (số 3) nói lên sự phát triển số giáo dân trong giáo phận trong vòng 30 năm (1902-1931), cũng giống như sự phát triển giáo dân cũng trong vòng 30-40 năm gần đây. Ngày 30-6-1954, theo làn sóng di cư rầm rộ vào Nam hồi đó, giáo phận

nhà đã có chừng 60.000 giáo dân bỏ nhà ra đi. Nhưng rồi Chúa Quan Phòng đã bù đắp lại: số thống kê giáo phận đã ghi chép từ con số 60.000 giáo dân còn lại ngoài Bắc năm 1954, thì năm 2000, nghĩa là sau 46 năm, đã lên tới 134.000. Đó là một tiến bộ rất đáng kể. Nhớ lại hồi 1954, số linh mục Phát Diệm ngoài Bắc chỉ còn trên dưới 32 vị, một số đã cao niên và đau ốm. Cả một cộng đoàn 120 linh mục, thầy giảng, chủng sinh và hầu hết các nữ tu đã vào Nam. Nhưng Chúa Thánh Linh đã làm việc thay cho tất cả, bằng cách bảo toàn niềm tin sâu sắc của một số ít linh mục, một số ít nữ tu còn lại và thúc đẩy rất mạnh phong trào giáo dân tham gia truyền giáo. Số giáo dân truyền giáo (các giáo lý viên) trong Giáo phận đã lên tới 600-700 nhân viên, họ ý thức vai trò giáo dân nam nữ sau Công Đồng Vatican II và kiên trì tham gia một cách hăng say vượt mức vào công cuộc giữ vững đức tin và mở rộng biên cương Nước Chúa. Giáo sử của Giáo hội miền Bắc nói chung, và lịch sử Giáo phận Phát Diệm nói riêng, trong mấy chục năm trước đây, đã viết lên những trang sách hết sức hào hùng, với bao đau thương, gian khổ mà vẫn kiên vững. Thật không thể giải thích cách nào được, nếu không chấp nhận rằng đã có tay Chúa Quan Phòng, đã có Đức Mẹ Mân Côi, đã có các Thánh Tử Đạo Việt Nam nguyên quán tại đây hay đã sinh sống tại Phát Diệm, ra tay bảo vệ và nâng đỡ!

Chú thích

(1) Lúc đó đã có 11 linh mục Việt Nam đầu tiên người Việt, tất cả đều do Đức Giám mục Lambert de la Motte truyền chức: 4 vị chịu chức tại Juthia (Thái Lan) năm 1668 và 7 vị tại Việt Nam năm 1669 (Xem Lm. Luca Huy, *L'Annam martire*, Roma, 1954, tr. 13-14).

(2) Lt. Col. Bonifaci, *Les débuts du Christianisme en Annam*, tr. 92-93. Từ ngày Thiên Chúa Giáo được rao giảng tại Việt Nam cho đến nay (Đàng Ngoài từ 1627, Đàng Trong từ 1615), tất cả có 31 cuộc bách hại:

- Thế kỷ XVII: 9 lần, từ lần thứ nhất năm 1620 đến lần cuối cùng năm 1696.

- Thế kỷ XVIII: 8 lần, từ lần thứ nhất năm 1719 đến lần cuối cùng năm 1798

- Thế kỷ XIX: 14 lần, từ lần thứ nhất năm 1833 (Minh Mạng) đến lần cuối cùng năm 1862 (Tự Đức).

(3) Alexandre de Rhodes, *Tunquinensis Historiae*, libri duo, tr. 2

(4) “J’ai commencé à parler du projet de “phân địa phận” dans le sens que je vous ai indiqué. L’accueil a paru favorable”.

(5) “Le 15 septembre, je recevais une lettre du Conseil de Paris me transmettant une réponse du Cardinal Préfet de la Propagande prescrivant la conclusion de l’affaire de la division. Paris ne me disait qu’une lettre dans le sens était aussi adressée à Votre Grandeur. Dès le lendemain je vous écrivais à peu près ceci: pour ce qui me concerne, je suis tout disposé à suivre les intentions de la S. Congrégation et je serais reconnaissant à Votre Grandeur de me faire connaître quelles sont les conditions et desiderata pour la conclusion de cette affaire. Et j’ajoutais: comme les lettre de Paris-Rome prescrivent de terminer cette affaire dans le plus bref délai, nous pourrions nous rencontrer à Kẻ Sở, où j’arriverai vers le 10 Octobre”.

(6) DECRETUM (Indicazione d’Archivio R. 129, Prot. No. 4-3093).

(7) Lm. Mai Đức Thạc, *Tiểu sử Đức Cha Thành*, tr 9-10.

(8) Xem “*Thư chung địa phận Thanh*”, Hong Kong, 1920, q. II, tr. 6.

(9) *Thư chung*, tr. 7 và 9

(10) *Thư chung*, tr. 6

(11) Lm. Mai Đức Thạc, *Tiểu sử Đức Cha Thành*, tr 19-21

(12) Các nhà: Bạch Bát, Phúc Nhạc và Thành Đức (Cách Tâm)

(13) Trong tỉnh Ninh Bình: Phát Diệm, Cách Tâm, Hảo Nho, Đồng Chùa, Hướng Đạo, Hiếu Thuận, Bạch Bát, Khoan Dụ, Tôn Đạo, Phúc Nhạc, Thiện Dưỡng, Sào Lâm tức Làng Rào, Đường Điềm, Yên Vân, Lãng Vân.

Trong tỉnh Thanh Hoá: Cửa Bạng (Ba Làng), Mỹ Điện (Đa Phan), Kê Bền (Biển Lĩnh), Kê Dừa (Đa Kiêu), Nhân Lộ (Phố Ráng), Thanh Hoá, Điền Hộ (Tòng Chính).

Trong Châu Lào: Yên Khương, Hồi Xuân, Na Môn, Mừng Khiết, Na Ràm.

(14) Trong tập *Compte Rendu* của Hội Truyền Giáo Balê (1933, trang 195-196), Giám mục A. Marcou Thành đã viết như sau: “Toà Thánh vừa chia Phát Diệm thành hai để lập Giáo phận Thanh Hoá. Do đó Phát Diệm chỉ còn giữ 1/14 đất đai, nhưng trái lại còn bảo toàn 2/3 dân số Công giáo. Thực ra, diện tích chỉ còn riêng tỉnh Ninh Bình, nghĩa là 1.600 cây số vuông, nhưng còn chừng 100.000 giáo dân (chính xác là 99.236 theo thống kê sau cùng) trên một dân số toàn tỉnh có 500.000 nhân danh.

Còn Giáo phận Thanh Hoá chạy dài trên một diện tích 20.000 cây số vuông, nguyên tỉnh Thanh Hoá đã 10.000 cây số vuông, phần dư lại là diện tích Sầm Nứa thuộc Lào quốc. Số đầu người trong địa phận mới là một triệu rưỡi, trong đó chỉ có 45.000 Thiên Chúa Giáo.

Ở đây, nguyên trong huyện Kim Sơn chỉ rộng 110 cây số vuông, trong ấy gồm cả xứ Phát Diệm, mà đã có 53.000 giáo dân và 30.000 lương dân. Nghĩa là nói trong một lãnh thổ nhỏ bé như thế số người Công giáo còn đông hơn cả tổng số dân cư tỉnh Sầm Nứa.

Giáo phận Phát Diệm, nay tách ra khỏi Thanh Hoá và Sầm Nứa vẫn còn 100.000 giáo dân phân chia trong 40 xứ đạo, mỗi xứ cách nhau nhiều nhất là 10 cây số. Riêng ở vùng Kim Sơn, 14 xứ liên tiếp nhau để phục vụ số 53.000 tín hữu và mỗi xứ cách nhau không đầy 3 cây số. Ngoài ra, tính trong tổng số nhân loại mới chỉ có 1/5

là Công giáo, tỷ lệ này đã đạt tới trong Giáo phận Phát Diệm. Và nếu người ta biết rằng đa số dân Công giáo ở đây là những người giữ đạo thực sự, trong đó, một số phải được kể là những giáo dân nhiệt thành, là một sự kiện không phải thông thường trong các giáo phận trên thế giới; thì lúc đó người ta mới hiểu lý do vì sao tất cả những vị thừa sai, có vị đã vất vả phục vụ ở đây hơn 40 năm trời đều coi việc Toà Thánh trao lại cho hàng Giám mục Việt Nam một giáo phận như thế là một việc hợp tình hợp lý, và mới hiểu sự kiện tất cả họ bằng lòng vâng lời Toà Thánh sang nhập địa phận mới là vì họ tin tưởng rằng sự vâng lời vui vẻ đó sẽ còn đem lại nhiều thắng lợi khác về tôn giáo cho cả hai Giáo phận Phát Diệm và Thanh Hoá”.

TGM Phát Diệm